

# KINH TẾ HỌC VĨ MÔ

ThS. Lê Phương Thảo Quỳnh  
Khoa Kinh tế Quốc tế - tầng 2 nhà B

Mobile: 0987027398

Email: [phuongthaoquynhle@yahoo.com.vn](mailto:phuongthaoquynhle@yahoo.com.vn)

# CHƯƠNG 6

## TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

### ***Nội dung:***

- Xác định các thành phần của AD
- Phân tích các nhân tố tác động đến các thành phần này và xây dựng mối quan hệ giữa chúng.
- Xác định số nhân tổng cầu và các số nhân cá biệt
- Nguyên tắc thực hiện CSTK và tác động của CSTK đến AD
- Tìm hiểu mối quan hệ giữa CSTK và ngân sách chính phủ; cơ chế tự ổn định của nền KT

# CHƯƠNG 6

## TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

### Các giả định :

- Giá cả và tiền lương không thay đổi
- Nguồn lực của nền kinh tế chưa sử dụng hết, AS không bị hạn chế (sản lượng  $Y$  do AD quyết định).
- Lãi suất chưa thay đổi
- Đồng nhất sản lượng với thu nhập, ký hiệu là  $Y$

# TỔNG CHI TIÊU THEO KẾ HOẠCH - APE

- APE đề cập đến *tổng chi tiêu theo kế hoạch* cho tiêu dùng, đầu tư, hàng hóa và dịch vụ công, và xuất khẩu ròng tại mỗi mức giá  $P$
- Ở đây,  $P$  không đổi  $\Rightarrow APE = AD$

# CÁC THÀNH PHẦN CỦA AD

**Các thành phần của AD gồm:**

1. Tiêu dùng của HGĐ: C
2. Đầu tư của khu vực tư nhân: I
3. Chi tiêu của chính phủ: G
4. Xuất khẩu ròng:  $NX = X - M$

# I. TỔNG CẦU TRONG NỀN KT GIẢN ĐƠN

**Nền KT giản đơn:**

- ✓ Chỉ có HGD và DN
- ✓  $G = 0$ ;  $X = 0$ ,  $M = 0$

$$\Rightarrow AD = APE = C + I$$

# 1. Tiêu dùng

**Tiêu dùng của một HGĐ phụ thuộc vào các nhân tố:**

- Giá cả hàng tiêu dùng ( $P$ )
- Thu nhập khả dụng ( $Y_d$ )
- Niềm tin (kỳ vọng)
- Tài sản
- Chính sách kinh tế

( $Y_d$  đóng vai trò quan trọng nhất)

# Hàm tiêu dùng

- Hàm tiêu dùng phản ánh ***mức tiêu dùng (chi tiêu) của hộ gia đình tương ứng với mỗi mức thu nhập.***
- Công thức của hàm tiêu dùng như sau :

$$C = f_1(Y_d) = \bar{C} + MPC.Y_d \quad (1)$$

- Nền KT giản đơn:  $Y_d = Y$
- $\bar{C}$ : tiêu dùng không phụ thuộc vào thu nhập hay tiêu dùng tự định (hằng số)  
 $Y_d = 0 \Rightarrow C = \bar{C}$



# Hàm tiêu dùng

**MPC** (Marginal Propensity to Consume) – xu hướng tiêu dùng cận biên: Cho biết khi thu nhập khả dụng  $Y_d$  tăng lên 1 đơn vị thì HGD có xu hướng tăng tiêu dùng  $C$  thêm bao nhiêu đơn vị.

$$MPC = \frac{\Delta C}{\Delta Y_d}$$

- $Y \uparrow \Rightarrow C \uparrow \Rightarrow \Delta C > 0 \Rightarrow MPC > 0$
- $Y \uparrow \Rightarrow S \uparrow \Rightarrow \Delta C < \Delta Y \Rightarrow MPC < 1$

# Hàm tiêu dùng

**VD**:  $MPC = 0,7$ ,  $Y_d$  tăng 200 triệu

HGĐ dành:  $200 \times 0,7 = 140$  triệu để mua hàng hóa dịch vụ, còn 60 triệu để tiết kiệm.

# Hàm tiêu dùng

**Yd** (Disposable Income) – Thu nhập khả dụng bao gồm tiêu dùng C và tích lũy S.

$$S = Y_d - C$$

$$S = Y_d - \bar{C} - MPC.Y = -\bar{C} + (1 - MPC).Y_d$$

$$S = -\bar{C} + MPS.Y_d$$

# Hàm tiêu dùng

- MPS (Marginal Propensity to Save) - Xu hướng tiết kiệm cận biên: cho biết khi thu nhập khả dụng tăng lên 1 đơn vị các HGĐ có xu hướng tăng tiết kiệm thêm bao nhiêu đơn vị.

$$MPS = \frac{\Delta S}{\Delta Yd} \quad 0 < MPS < 1; \quad MPC + MPS = 1$$

# Hàm tiêu dùng

## Ví dụ :

Cho hàm tiêu dùng  $C = 50 + 0,8.Y_d$ . Hãy viết hàm TK?

Ta có:

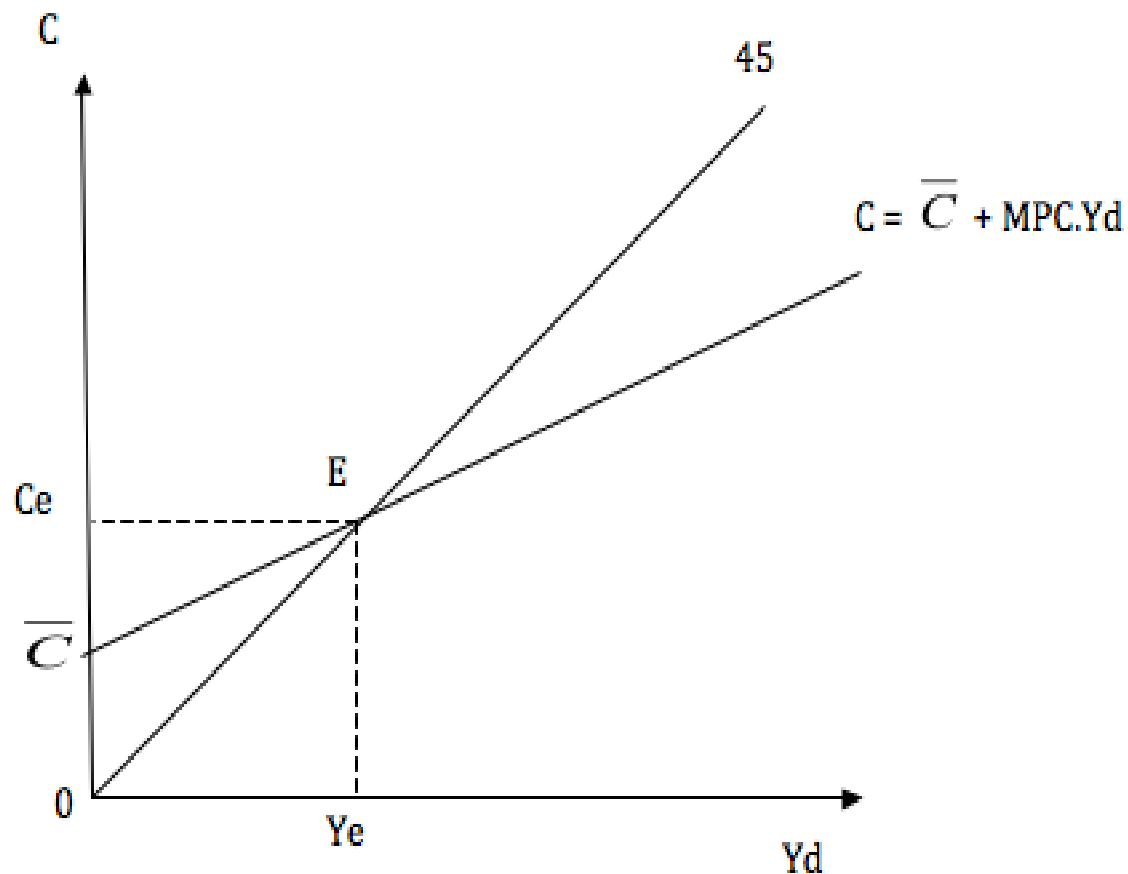
$Y_d = 0 \Rightarrow C = 50$  (tiêu dùng tự định)

$MPC = 0,8 \Rightarrow MPS = 1 - 0,8 = 0,2$ .

Lúc này hàm tiết kiệm được biểu diễn như sau:

$$S = -50 + MPS.Y_d = -50 + 0,2.Y_d$$

# Đồ thị hàm tiêu dùng



## **2 Đầu tư (I)**

**Đầu tư (I) trong khu vực tư nhân bao gồm:**

- ✓ Đầu tư của DN mua máy móc, nhà xưởng
- ✓ Đầu tư của HGĐ mua bất động sản
- ✓ Hàng tồn kho

## **2 Đầu tư (I)**

### **Các nhân tố ảnh hưởng tới đầu tư :**

- Giá cả hàng đầu tư hay chi phí đầu tư (tỷ lệ nghịch)
- Lãi suất (tỷ lệ nghịch)
- Thu nhập của nhà đầu tư
- Kỳ vọng của nhà đầu tư
- Chính sách kinh tế



## 2. Đầu tư (I)

- **Hàm đầu tư** có dạng như sau :  $I = \bar{I} - b_1 i + b_2 Y$
- ✓  $\bar{I}$ : Đầu tư tự định (không phụ thuộc Y). VD: Đầu tư khi doanh nghiệp mới bắt đầu cơ sở sản xuất
- ✓  $b_1$ : Độ co giãn của đầu tư đối với lãi suất. Mang dấu âm vì đầu tư tỷ lệ nghịch với lãi suất
- ✓  $b_2$ : Độ co giãn của đầu tư đối với thu nhập (tỷ lệ thuận)

## 2. Đầu tư (I)

Ở đây, chúng ta giả định mức đầu tư không thay đổi và không liên quan tới lãi suất hay thu nhập của nền kinh tế.

$$I = \bar{I}$$

- Giả thiết dựa trên quan điểm đầu tư được qđ bởi dự tính của DN về triển vọng KT trong tương lai nên nó ít chịu ảnh hưởng bởi những gì diễn ra trong hiện tại.

# 3 Tổng cầu và sản lượng cân bằng trong nền KT giản đơn

## a. Phương trình AD:

$$APE = C + I$$

$$APE = \bar{C} + \bar{I} + MPC.Y_d$$

**Ví dụ:**

$$C = 50 + 0,8.Y_d$$

$$I = 100$$

Phương trình APE hay AD:  $APE = 150 + 0,8.Y_d$

### 3. Tổng cầu và sản lượng cân bằng trong nền KT giản đơn

**b. Sản lượng cân bằng ( $Y_0$ ):** là mức sản lượng được mua hết, không thiếu cũng không thừa. Khi đó, tổng chi tiêu của nền kinh tế chính là tổng sản lượng nền kinh tế sản xuất ra. Ta có :

$$Y = APE$$

$$Y = \bar{C} + \bar{I} + MPC.Y_d$$

### 3. Tổng cầu và sản lượng cân bằng trong nền KT giản đơn

$$Y_d = Y - T$$

$$T \text{ (thuế ròng)} = T_x \text{ (thuế)} - T_r \text{ (trợ cấp)}$$

Nền KT giản đơn không có chính phủ nên thuế  $T_x$  và trợ cấp  $T_r$  đều bằng 0  $\Rightarrow T = 0$  và  $Y = Y_d$ .

$$Y = \bar{C} + \bar{I} + MPC \cdot Y$$

$\Rightarrow$  Sản lượng cân bằng:

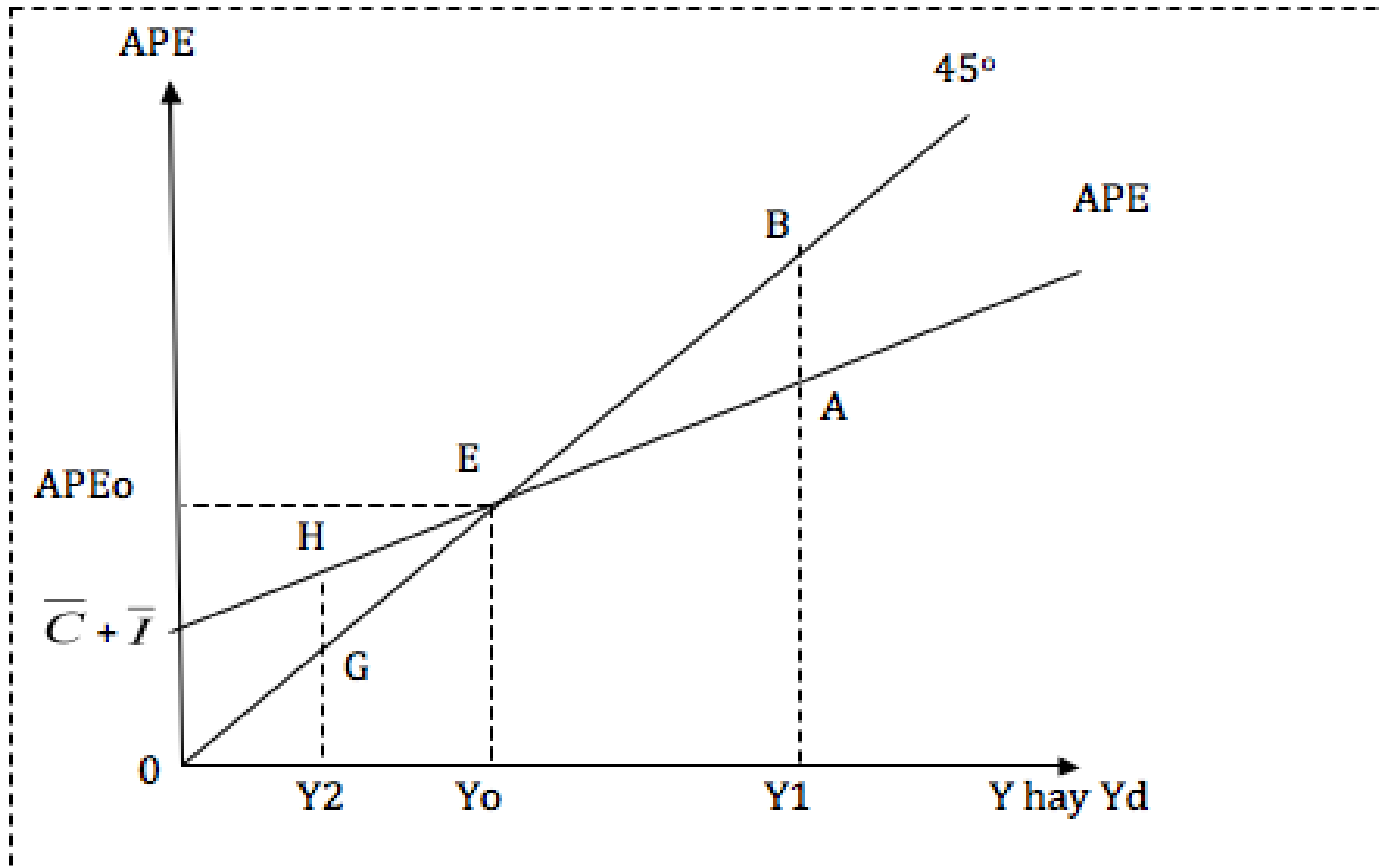
$$Y_o = \frac{1}{1 - MPC} (\bar{C} + \bar{I})$$

## 4. Số nhân chi tiêu

- **Số nhân chi tiêu:** 
$$m = \frac{1}{1 - MPC} = \frac{1}{MPS}$$
- $(\bar{C} + \bar{I})$  là chi tiêu tự định của nền KT giản đơn
- Tiêu dùng hoặc đầu tư tăng một đơn vị nhưng kết hợp với số nhân chi tiêu thì sẽ làm cho sản lượng cân bằng Yo tăng lên rất nhiều.

# ĐỒ THỊ APE

*Xét đồ thị đường APE dưới đây :*



## II. TỔNG CẦU TRONG NỀN KT ĐÓNG CÓ SỰ THAM GIA CỦA CHÍNH PHỦ

### 1. Vai trò của chính phủ đối với tổng AD

- « Nền kinh tế đóng » :  $X = M = 0$
- « Có sự tham gia của chính phủ » :
  - ✓ Chính phủ *thu thuế* ( $T_x$ ) và thực hiện các khoản chuyển giao thu nhập hay *trợ cấp* ( $T_r$ ):

$$\text{Thuế ròng } T = T_x - T_r$$

- ✓ *Chi tiêu của chính phủ* ( $G$ ) : Gồm những khoản *chi tiêu cho đầu tư* (xây dựng đường xá, sân bay...) và *chi cho tiêu dùng* (trả lương cho viên chức chính phủ, chi phục vụ hũ bộ máy cp...)



## II. TỔNG CẦU TRONG NỀN KT ĐÓNG CÓ SỰ THAM GIA CỦA CHÍNH PHỦ

### 2. APE của nền KT đóng có CP

$$APE = C + I + G$$

$$C = f(Yd) = \bar{C} + MPC.Yd$$

$$I = \bar{I}$$

$$G = \bar{G}$$

( G không phụ thuộc vào thu nhập hiện tại của nền kinh tế. Tuy G phụ thuộc vào nguồn thu nhưng chính phủ thường dự tính trước chi tiêu của năm là bao nhiêu trước khi có nguồn thu).

## II. TỔNG CẦU TRONG NỀN KT ĐÓNG CÓ SỰ THAM GIA CỦA CHÍNH PHỦ

*Khi có thuế, APE thay đổi như thế nào ?*

*TH1: CP đánh thuế tự định (độc lập với thu nhập):  $T = \bar{T}$*

VD: Chính phủ quy định đánh thuế cố định là = 100 thì mức thu nhập là 100 hay 2000 chính phủ vẫn thu thuế = 100.

# TH1: CP ĐÁNH THUẾ TỰ ĐỊNH

- Do  $I$  và  $G$  cố định nên ta chỉ xét ảnh hưởng của  $T$  lên hàm tiêu dùng:

$$C = f(Y_d) = \bar{C} + MPC.Y_d$$

$$C = \bar{C} + MPC.(Y - \bar{T})$$

# TH1: CP ĐÁNH THUẾ TỰ ĐỊNH

- **Phương trình APE** của nền KT đóng có thuế độc lập với thu nhập:

$$APE = \bar{C} + \bar{I} + \bar{G} + MPC(Y - \bar{T})$$

- **Sản lượng cân bằng** :  $Y_0$

$$Y = APE$$

$$Y = \bar{C} + \bar{I} + \bar{G} + MPC(Y - \bar{T})$$

$$Y_0 = \frac{1}{1 - MPC}(\bar{C} + \bar{I} + \bar{G}) - \frac{MPC}{1 - MPC}\bar{T}$$

# TH1: CP ĐÁNH THUẾ TỰ ĐỊNH

- Số nhân chi tiêu có giá trị là :

$$m = \frac{1}{1 - MPC}$$

$$0 < MPC < 1 \Rightarrow m > 1$$

- $(\bar{C} + \bar{I} + \bar{G})$  là chi tiêu tự định của nền KT đóng

# TH1: CP ĐÁNH THUẾ TỰ ĐỊNH

## Số nhân chi tiêu:

- $\uparrow G$  một lượng là  $\Delta G$  thì sản lượng sẽ tăng một lượng là  $\Delta Y_0$ , có :  $\Delta Y_0 = m \cdot \Delta G$

VD:  $MPC = 0,8$ ,  $G$  tăng một lượng là 50,  $Y$  sẽ tăng thêm:  $\Delta Y_0 = 1/(1-0.8) \times 50 = 250$

- $\uparrow C$  một lượng là  $\Delta C$  thì sản lượng tăng:  $\Delta Y_0 = m \cdot \Delta C$
- $\uparrow I$  một lượng là  $\Delta I$  thì sản lượng tăng:  $\Delta Y_0 = m \cdot \Delta I$

=> Chính phủ muốn tăng hay giảm sản lượng thì chỉ cần tác động vào các thành tố của APE.

# Số nhân thuế

- Số nhân thuế:

$$m_t = -\frac{MPC}{1 - MPC}$$

- Đằng trước số nhân thuế có dấu (-) phản ánh tác động ngược chiều của thuế tới APE và sản lượng, khi thuế tăng một lượng là  $\Delta \bar{T}$ , sản lượng giảm một lượng là:

$$\Delta Y_o = m_t \cdot \Delta \bar{T}$$

# Số nhân chi tiêu và số nhân thuế

- Xét tăng hoặc giảm  $G$  và  $T$  cùng một lượng như nhau :

$$VD : G \uparrow = 50 \Rightarrow \Delta Y_0 = m \cdot 50$$

$$T \uparrow = 50 \Rightarrow \Delta Y_0 = m_t \cdot 50$$

$$\Rightarrow \Delta Y_0 = 50 \cdot (m + m_t)$$

$$m = \frac{1}{1 - MPC} \qquad m_t = -\frac{MPC}{1 - MPC}$$

- Nên  $(m + m_t) = 1 \Rightarrow \Delta Y_0 = 50$



# Số nhân chi tiêu và số nhân thuế

- **Nhân xét:** Khi tăng G và T lên cùng một lượng như nhau thì sản lượng cân bằng cũng sẽ tăng một lượng đúng bằng mức tăng G hoặc T.

$$\text{Ngân sách chính phủ} = T - G$$

- Nếu tăng sản lượng bằng cách tăng G thì ngân sách sẽ bị thâm hụt. Nhưng nếu tăng G bao nhiêu cũng tăng T bấy nhiêu thì ngân sách không đổi mà sản lượng vẫn tăng.

## TH2: CHÍNH PHỦ ĐÁNH THUẾ THEO THU NHẬP ( $T=tY$ )

- Chính sách đánh thuế theo nhập:  
 $T = tY$  ( $t$  : thuế suất)
- Ta có :  $Y_d = Y - T = Y - t.Y = (1 - t)Y$

$$C = \bar{C} + MPC.(Y - tY) = \bar{C} + MPC(1 - t)Y$$

$$I = \bar{I}$$

$$G = \bar{G}$$

## TH2: CHÍNH PHỦ ĐÁNH THUẾ THEO THU NHẬP ( $T=tY$ )

Phương trình APE :

$$APE = \bar{C} + \bar{I} + \bar{G} + MPC(1-t)Y$$

Sản lượng cân bằng ( $Y_0$ ):

$$Y = APE$$

$$Y = \bar{C} + \bar{I} + \bar{G} + MPC(1-t)Y$$

$$Y_0 = \frac{1}{1 - MPC(1-t)} (\bar{C} + \bar{I} + \bar{G})$$

## TH2: CHÍNH PHỦ ĐÁNH THUẾ THEO THU NHẬP ( $T=tY$ )

- Số nhân chi tiêu:

$$m' = \frac{1}{1 - MPC(1 - t)}$$

$$m' = \frac{1}{1 - MPC(1 - t)} < m = \frac{1}{1 - MPC}$$

- $m' < m$  cho thấy khi chính phủ đánh thuế theo thu nhập thì khả năng khuếch đại chi tiêu của nền kinh tế bị giảm xuống.

### TH3: CHÍNH PHỦ VỪA ĐÁNH THUẾ TỰ ĐỊNH VỪA ĐÁNH THEO THU NHẬP $T = \bar{T} + tY$

- Ta có:

$$C = \bar{C} + MPC.Y_d$$

$$C = \bar{C} + MPC.(Y - \bar{T} - tY)$$

$$I = \bar{I}$$

$$G = \bar{G}$$

- Phương trình APE:

$$APE = \bar{C} + \bar{I} + \bar{G} + MPC(1-t)Y - MPC.\bar{T}$$

### TH3: CHÍNH PHỦ VỪA ĐÁNH THUẾ TỰ ĐỊNH VỪA ĐÁNH THEO THU NHẬP $T = \bar{T} + tY$

- Sản lượng cân bằng  $Y_0$ :

$$Y = APE$$

$$Y = \bar{C} + \bar{I} + \bar{G} + MPC(1-t)Y - MPC.\bar{T}$$

$$Y_0 = \frac{1}{1 - MPC(1-t)}(\bar{C} + \bar{I} + \bar{G}) - \frac{MPC}{1 - MPC(1-t)}.\bar{T}$$

### TH3: CHÍNH PHỦ VỪA ĐÁNH THUẾ TỰ ĐỊNH VỪA ĐÁNH THEO THU NHẬP

- Số nhân chi tiêu :  $m' = \frac{1}{1 - MPC(1 - t)}$
- Số nhân thuế:  $mt = \frac{-MPC}{1 - MPC(1 - t)}$

### III. TỔNG CẦU TRONG NỀN KINH TẾ MỞ

#### 1. Vai trò của thương mại quốc tế đối với AD - Các nhân tố quyết định X và M

Trong nền kinh tế mở:  $APE = C + I + G + X - M$

- **Xuất khẩu (X)** phụ thuộc vào các nhân tố sau :
  - ✓ Giá cả hàng hóa trong nước
  - ✓ Tỷ giá hối đoái
  - ✓ Chính sách
  - ✓ Thu nhập của nước nhập khẩu



# 1. Vai trò của thương mại quốc tế đối với AD - Các nhân tố quyết định $X$ và $M$

- Xuất khẩu không phụ thuộc vào thu nhập trong nước mà phụ thuộc vào thu nhập của người nước ngoài nên khi xác định tổng chi tiêu trong nước ta giả định xuất khẩu là cố định :
- $X = \bar{X}$  : xuất khẩu tự định, không phụ thuộc thu nhập

# 1. Vai trò của thương mại quốc tế đối với AD - Các nhân tố quyết định X và M

- **Nhập khẩu** phụ thuộc:

- ✓ Tỷ giá hối đoái
- ✓ Chính sách
- ✓ Thu nhập trong nước

$$M = MPM.Y$$

- **MPM** (Marginal Propensity to Import) – Xu hướng nhập khẩu cận biên: Phản ánh khi thu nhập tăng thêm 1 đơn vị thì cư dân trong nước tăng chi cho hàng nhập khẩu bao nhiêu đơn vị.

$$MPM = \frac{\Delta M}{\Delta Y_d} \quad 0 < MPM < 1$$

# **1. Vai trò của thương mại quốc tế đối với AD - Các nhân tố quyết định X và M**

- $MPM > 0$ : do quan sát nhận thấy thu nhập khả dụng tăng thì nhập khẩu cũng tăng
- $MPM < 1$ : thu nhập khả dụng tăng thì chi tiêu cho hàng nội, hàng ngoại và tiết kiệm đều tăng nên  $\Delta Y_d > \Delta M$ .

VD?

## 2. Tổng cầu và sản lượng cân bằng trong một nền kinh tế mở

### Phương trình APE:

$$APE = C + I + G + X - M$$

Giả sử chính phủ đánh thuế theo thu nhập :  $T = t.Y$

$$C = \bar{C} + MPC.(Y - tY)$$

I, G, X đều cố định.

$$M = MPM.Y$$

$$APE = \bar{C} + \bar{I} + \bar{G} + MPC(1 - t)Y + \bar{X} - MPM.Y$$

Ta có:

$$APE = \bar{C} + \bar{I} + \bar{G} + \bar{X} + [MPC(1 - t) - MPM]Y + \bar{X}$$

## 2. Tổng cầu và sản lượng cân bằng trong một nền kinh tế mở

**Phương trình APE:**

$$\text{VD: } C = 50 + 0,8Y_d; \quad I = 100; \quad G = 150; \quad X = 30$$

$$M = 0,11.Y; \quad t = 20\%$$

Viết phương trình APE?

$$\begin{aligned} \text{Ta có: APE} &= 330 + 0,8(1-t).Y - 0,11.Y \\ &= 330 + 0,8(1-0,2).Y - 0,11.Y \\ &= 330 + 0,53Y \end{aligned}$$

## 2. Tổng cầu và sản lượng cân bằng trong một nền kinh tế mở

Sản lượng cân bằng  $Y_0$ :

$$Y = APE$$

$$Y = \bar{C} + \bar{I} + \bar{G} + [MPC(1-t) - MPM]Y + \bar{X}$$

$$Y_0 = \frac{1}{1 - MPC(1-t) + MPM} (\bar{C} + \bar{I} + \bar{G} + \bar{X})$$

## 2. Tổng cầu và sản lượng cân bằng trong một nền kinh tế mở

Số nhân chi tiêu:

$$m'' = \frac{1}{1 - MPC(1 - t) + MPM}$$

- Ta thấy:  $m'' < m' < m$
- Số nhân chi tiêu trong nền kinh tế mở có khả năng khuếch đại kém hơn so với nền kinh tế đóng.

**Tiêu dùng tự định trong nền KT mở:**  $(\bar{C} + \bar{I} + \bar{G} + \bar{X})$

# IV. CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

## 1. Chính sách tài khóa

***a. Khái niệm:*** CSTK phản ánh cách thức chính phủ sử dụng thuế (T) và chi tiêu chính phủ (G) để điều tiết nền kinh tế.



# 1. Chính sách tài khóa

## b. Phân loại:

- ***CSTK ngắn hạn***: nhằm chống suy thoái, lạm phát, thất nghiệp hoặc cân bằng ngân sách.
- ***CSTK trong dài hạn***: được sử dụng để thay đổi cơ cấu kinh tế và thúc đẩy tăng trưởng. VD: Chi tiêu chính phủ để đầu tư cho cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng... Giảm thuế đánh vào những ngành sx ra hàng hóa phục vụ đầu tư => Tăng trưởng trong tương lai.

## b. Phân loại CSTK

- CSTK ngắn hạn:**

	CSTK mở rộng/ nới lỏng (Expansionary fiscal policy)	CSTK thu hẹp/ thắt chặt (Contractionary fiscal policy)
<b>Thời điểm áp dụng</b>	Khi nền kinh tế đang suy thoái để làm tăng AD và sản lượng	Khi nền kinh tế đang phát triển quá nóng để làm giảm AD và sản lượng
<b>Công cụ</b>	+ $G \uparrow$ + hoặc $T \downarrow$ + hoặc cả $G \uparrow$ và $T \downarrow$	+ $G \downarrow$ + hoặc $T \uparrow$ + hoặc cả $G \downarrow$ và $T \uparrow$

## c. CSTK trong việc đảm bảo mục tiêu cân bằng ngân sách: $T = G$

- ***Giả sử nền kinh tế đang suy thoái (thường có  $G > T$ ) và ngân sách bị thâm hụt.*** Để cân bằng ngân sách, chính phủ phải:
  - Giảm chi tiêu nhưng vẫn giữ nguyên thuế
  - Giữ nguyên chi tiêu nhưng tăng thuế
  - Không được kết hợp vừa giảm  $G$  vừa tăng  $T$  vì lúc này sẽ làm tổng cầu AD giảm, sản lượng giảm. Mà  $T = t.Y$ . Khi sản lượng  $Y$  giảm,  $T$  càng giảm  $\Rightarrow$  Ngân sách càng thâm hụt.

## **c. CSTK trong việc đảm bảo mục tiêu cân bằng ngân sách: $T = G$**

- ***Giả sử nền kinh tế đang tăng trưởng nóng: thường có  $G < T$ . Để cân bằng ngân sách có 2 cách:***
  - Tăng chi tiêu nhưng vẫn giữ nguyên thuế
  - Giữ nguyên chi tiêu nhưng giảm thuế
  - Nếu vừa  $G \uparrow$  vừa  $T \downarrow$  thì  $AD \uparrow \Rightarrow Y \uparrow \Rightarrow$  Nền kinh tế càng nóng, ngân sách càng thặng dư  $\Rightarrow$  Không nên kết hợp.

## d. Hạn chế của CSTK

- ***Tính liều lượng T và G khó chính xác***
- ***Độ trễ: Độ trễ trong và ngoài***
  - Độ trễ trong: cần thời gian để đưa ra CSTK
  - Độ trễ ngoài: cần thời gian để CSTK phát huy tác dụng (15-18 tháng theo World Bank)

## 2. Cơ chế tự ổn định của nền KT

- **Cơ chế tự ổn định:** Là việc giảm bớt những biến động của nền kinh tế khi các thành phần của tổng chi tiêu đột ngột thay đổi.
- **Công cụ của cơ chế:** Thuế suất (t) và trợ cấp (TR)
  - t: thuế suất. Tổng thuế:  $T = t.Y$   
nền kinh tế rơi vào suy thoái, thu nhập giảm, thuế tự động giảm => Kích thích AD tăng.
  - Tr: trợ cấp.  
nền kinh tế rơi vào suy thoái, thất nghiệp tăng => trợ cấp thất nghiệp cũng tăng => Kích thích AD tăng

### 3. Chính sách tài khóa và thâm hụt ngân sách chính phủ

*a. **Ngân sách nhà nước:** là bảng tổng hợp các khoản thu, chi của chính phủ trong khoảng thời gian nhất định (thường là một năm).*

Gọi B là hiệu số giữa thu và chi ngân sách:

$$\mathbf{B = T - G}$$

T: Thuế ròng (Bảng tổng nguồn thu từ thuế trừ đi chuyển giao thu nhập =  $T_x - T_r$ )

G: Chi tiêu chính phủ để mua hàng hóa và dịch vụ.

B: Cán cân ngân sách

### 3. Chính sách tài khóa và thâm hụt ngân sách chính phủ

Cán cân ngân sách:

$$B = T - G$$

- $B = 0$ : *thặng dư ngân sách.*
- $B < 0$ : *thâm hụt ngân sách*
- $B > 0$ : *cân bằng ngân sách.*



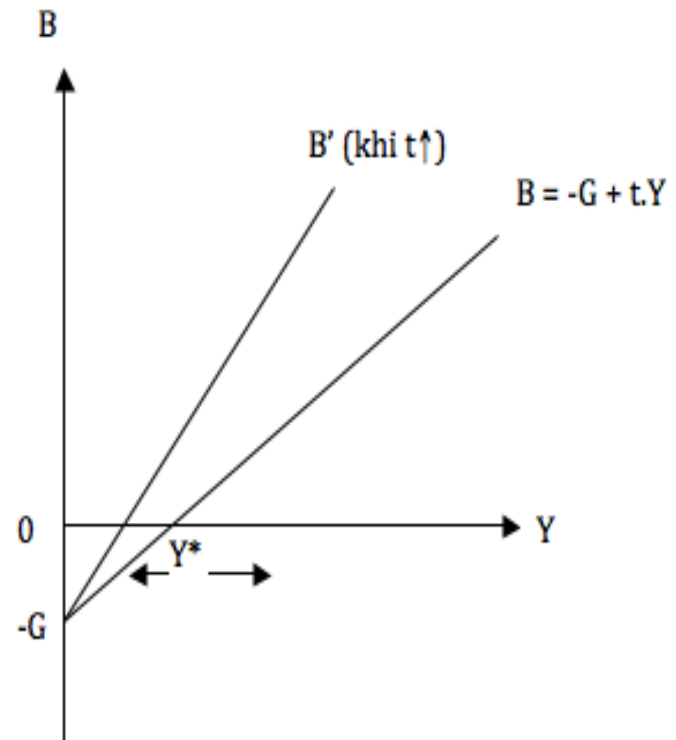
## a. Ngân sách nhà nước

Giả định  $T = t.Y$ , có phương trình ngân sách đơn giản:

$$B = -G + t.Y \quad (t: \text{hệ số góc})$$

=> Ngân sách chính phủ phụ t

- Hệ số góc t (hay thuế suất)
- Thu nhập Y
- Chi tiêu chính phủ G



## a. Ngân sách nhà nước

### Phân tích phương trình đường ngân sách:

- $t \uparrow$ : Ngân sách có xu hướng thặng dư hoặc đang thâm hụt sẽ giảm bớt thâm hụt.
- $Y \uparrow$ : Ngân sách tăng;  $Y \downarrow$ : Ngân sách giảm
- $G \uparrow$ : Ngân sách có xu hướng thâm hụt hoặc thặng dư giảm.

# Phản ứng của CP khi có thâm hụt NS ( $tY < G$ )

- **Phản ứng cùng chiều (CSTK cùng chiều):** Khi  $tY < G \Rightarrow$  Nhà nước tăng  $T$ , giảm  $G$  để đảm bảo  $G = tY$ ;  $B=0$ . Nhưng có thể làm cho suy thoái càng trầm trọng hơn do việc giảm  $G$  sẽ làm giảm  $AD$ .
- **Phản ứng ngược chiều (CSTK ngược chiều):** Với mục tiêu giữ cho nền KT luôn ở mức sản lượng tiềm năng với mức việc làm đầy đủ, khi  $tY < G \Rightarrow$  thay vì tăng  $t$  để bảo đảm thu, Nhà nước lại giảm  $t$  để kích thích đầu tư ( $\uparrow I$ ), thay vì giảm  $G$  thì Nhà nước lại  $\uparrow G$  để  $\uparrow AD$ .

## **b. Phân loại thâm hụt ngân sách**

- *Thâm hụt ngân sách thực tế*: Là thâm hụt khi số chi thực tế vượt số thu thực tế trong một thời kỳ nhất định.
  - *Thâm hụt ngân sách chu kỳ*: Là thâm hụt khi nền kinh tế bị suy thoái theo chu kỳ kinh doanh.
- VD: KT suy thoái, thất nghiệp tăng dẫn đến thu ngân sách từ thuế giảm xuống, chi ngân sách cho trợ cấp thất nghiệp tăng lên.

## **b. Phân loại thâm hụt ngân sách**

- *Thâm hụt ngân sách cơ cấu*: Là thâm hụt tính toán được khi giả định nền kinh tế đạt sản lượng tiềm năng. NS thâm hụt là do chịu ảnh hưởng của các yếu tố như quy định thuế suất, trợ cấp BHXH hay chi tiêu cho giáo dục, quốc phòng...
- Thâm hụt thực tế = Thâm hụt chu kỳ + Thâm hụt cơ cấu

$$\mathbf{B_{tt} = B_{ck} + B_{cc} \Rightarrow B_{cc} = B_{tt} - B_{ck}}$$

## 4. Các biện pháp tài trợ thâm hụt ngân sách

- *Vay tiền từ ngân hàng trung ương (tiền tệ hóa thâm hụt):*  
Việc chính phủ vay tiền từ ngân hàng trung ương tương đương với việc in thêm tiền. Cung tiền MS tăng  $\Rightarrow$  Lãi suất  $i$  giảm, tổng cầu AD tăng  $\Rightarrow$  Đẩy mức giá lên cao gây ra lạm phát.
- *Vay từ ngân hàng thương mại:* Gây ra sức ép tăng lãi suất  $i \Rightarrow$  Giảm đầu tư tư nhân I.

## 4. Các biện pháp tài trợ thâm hụt ngân sách

- *Vay ngoài ngân hàng*: Cp phát hành trái phiếu và vay trực tiếp từ công chúng. Không làm tăng lượng tiền trong lưu thông nên không gây ra lạm phát. Nhưng việc vay tiền trực tiếp từ công chúng cũng làm khả năng tiếp cận tín dụng của khu vực tư nhân bị giảm sút => Gây sức ép làm tăng lãi suất => Giảm đầu tư I.
- *Vay nước ngoài*: Bằng cách phát hành trái phiếu ra nước ngoài hoặc giảm dự trữ quốc tế. Nhưng:
  - ✓ Nợ nước ngoài tăng
  - ✓ Hoặc phải chấp nhận điều kiện của nước ngoài. VD: Thay đổi chính sách tài khóa, tiền tệ...

## 4. Các biện pháp tài trợ thâm hụt ngân sách

- Cả 4 cách này đều có những nhược điểm nhất định nên một số chính trị gia đề nghị chính phủ phải tuân thủ triệt để nguyên tắc *cân bằng ngân sách*.
- Tuy nhiên, các nhà kinh tế lại phản đối quan điểm này. Họ cho rằng nếu thực hiện nghiêm ngặt qui tắc này sẽ khiến nền kinh tế càng bất ổn.
- VD: Khi suy thoái kinh tế xảy ra, T tự động giảm, G tăng, ngân sách bị thâm hụt. Nếu lúc này cứ cố gắng thực hiện cân bằng ngân sách thì chính phủ phải tăng T, giảm G => Giảm AD => Càng suy thoái.